SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT Q.TRỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 455 /PTNT-KTHT  *Quảng Trị, ngày 28 tháng10 năm 2019*

V/v: Hoàn thiện chấm điểm và hồ sơ đánh giá

tiêu chí xây dựng HTX nông nghiệp

kiểu mới năm 2019.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện Nghị quyết số 04- NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017- 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về ban hành tiêu chí phân loại và đánh giá hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017- 2020; Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018- 2020;

Để chuẩn bị nội dung cho đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá, thẩm định tiêu chí hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới vào cuối tháng 11 năm 2019, Chi cục Phát triển nông thôn kính đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. **Các bước thực hiện:**

*1.1*. Chỉ đạo các hợp tác xã đã đăng ký xây dựng hợp tác xã kiểu mới năm 2019 hoàn thiện hồ sơ phục vụ thẩm định hợp tác xã kiểu mới năm 2019. Riêng đối với các hợp tác xã chưa đăng ký nhưng đủ điều kiện để công nhận hợp tác xã kiểu mới thì hướng dẫn các Hợp tác xã làm hồ sơ để bổ sung thẩm định hợp tác xã kiểu mới năm 2019. *(Bảng tự chấm điểm theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 gửi kèm, riêng số liệu báo cáo tài chính lấy số liệu quyết toán của năm 2019 hoặc số liệu kế hoạch năm 2019).*

*1. 2*. Sau khi các hợp tác xã tự chấm điểm và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thì gửi về Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố để các Phòng chấm điểm và kiểm tra hồ sơ.

*1. 3.* Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố tiến hành chấm điểm lại và kiểm tra, hướng dẫn các hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ, gửi Chi cục PTNT để Chi cục gửi cho các thành viên đoàn thẩm định kiểm tra, rà soát trước khi đi thẩm định thực tế tại cơ sở.

**2.** **Về hồ sơ công nhận HTX kiểu mới**, *bao gồm*:

- Bảng chấm điểm theo phụ lục 1 và phụ lục 2 *(đính kèm)*; báo cáo tài chính của năm 2019 *(số liệu tính đến 30/11/2019 và dự kiến cả năm 2019)*;

- Điều lệ HTX;

- Phương án sản xuất và kinh doanh của HTX;

- Xác nhận của UBND cấp Xã, Phường, Thị trấn đối với tiêu chí bắt buộc số 7 (Hoạt động cộng đồng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới);

- Hợp đồng liên kết với doanh nghiệp;

- Các chứng nhận sản phẩm;

- Dự thảo báo cáo kết quả xây dựng Hợp tác xã kiểu mới năm 2019 của Hợp tác xã và Tờ trình đề nghị công nhận Hợp tác xã kiểu mới.

**3.** **Thời gian thực hiện**: Báo cáo kết quả đánh giá, chấm điểm và hồ sơ đề nghị thẩm định hợp tác xã xây dựng kiểu mới năm 2019 gửi về Chi cục Phát triển nông thôn trước ngày **20/11/2019** để Chi cục xây dựng kế hoạch rà soát, thẩm định. Hệ thống biểu mẫu truy cập Website: chicucptnt.Quangtri.gov.vn

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã phối hợp thực hiện./.

*Nơi nhận:* KT.CHI CỤC TRƯỞNG

- Như trên; PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

- Sở Nông nghiệp và PTNT (B/c);

- Phòng NN và PTNT các huyện;

Phòng Kinh tế TP, TX;

- CCT, PCCT;

- Website chi cục;

- Lưu: VT, KTHT.

**Hoàng Minh Trí**

**Phụ lục 1**

**BẢNG CHẤM ĐIỂM CỦA HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

*(Ban hành kèm văn bản số: /PTNT- KTHT ngày ...... /......./2019 của Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị theo hướng dẫn Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT)*

Tên hợp tác xã:………………

Địa chỉ:……………………

Điện thoại (cố định).............................................................di động...........................................

Phân loại theo lĩnh vực hoạt động: Hợp tác xã ……………………………………….............

Kết quả tự đánh giá của Hội đồng quản trị: **Hợp tác xã tự nhận đạt loại** …………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá** | **Thang điểm tối đa** | **Điểm hợp tác xã tự chấm** | **Phòng chuyên môn cấp huyện** |
| 1 | Doanh thu và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã |  |  |  |
| a | Tỷ lệ doanh thu thực hiện/doanh thu kế hoạch | 8 |  |  |
| b | Tổng doanh thu năm của hợp tác xã | 10 |  |  |
| c | Thu nhập sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính bình quân đầu thành viên hợp tác xã  (Thu nhập năm sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính /thành viên) | 10 |  |  |
| d | Trích quỹ phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập | 5 |  |  |
| đ | Trích quỹ dự phòng tài chính (hoặc quỹ rủi ro) không thấp hơn 5% trên thu nhập | 5 |  |  |
| 2 | Lợi ích của các thành viên hợp tác xã |  |  |  |
| a | Ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên so với khách hàng không là thành viên | 8 |  |  |
| b | Ưu tiên phân phối thu nhập cho thành viên theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã | 8 |  |  |
| 3 | Vốn hoạt động của hợp tác xã |  |  |  |
| a | Tỷ lệ tăng vốn góp và huy động từ thành viên hợp tác xã (%) = (vốn góp và huy động từ TV năm nay – vốn góp và huy động từ TV năm trước)/ vốn góp và huy động từ TV năm trước (trường hợp năm trước không có, năm nay có góp và huy động thì tính tỷ lệ là 100%) | 7 |  |  |
| b | Vốn hoạt động của hợp tác xã (bao gồm toàn bộ vốn góp của thành viên, vốn huy động, vốn tích lỹ, các quỹ của; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của nhà nước, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác) | 10 |  |  |
| 4 | Quy mô thành viên hợp tác xã ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng | 8 |  |  |
| 5 | Hợp tác xã được khen thưởng trong năm | 6 |  |  |
| 6 | Mức độ hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã | 15 |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  | **Tổng điểm** | **100** |  |  |

***Ghi chú:***

- Hợp tác xã căn cứ vào Điều 3 của Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT tự phân loại lĩnh vực của hợp tác xã đang hoạt động và ghi vào dòng “Phân loại theo lĩnh vực hoạt động”.

- Hợp tác xã ghi số điểm đạt từng tiêu chí, chỉ tiêu tại cột “Điểm hợp tác xã tự chấm” và ghi cụ thể nội dung tại cột diễn giải.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BAN KIỂM SOÁT KIỂM TRA** *(ký, ghi rõ họ tên)* |  |  |

**(Trích dẫn Điều 3 Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNTcủa Bộ Nông nghiệp và PTNT) . Phân loại hợp tác xã nông nghiệp**

1. Hợp tác xã trồng trọt: Là hợp tác xã có hoạt động sản xuất trồng trọt (trồng cây hàng năm, cây lâu năm; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp) và dịch vụ trồng trọt có liên quan; dịch vụ sau thu hoạch; xử lý hạt giống để nhân giống.

2. Hợp tác xã chăn nuôi: Là hợp tác xã có hoạt động sản xuất chăn nuôi (trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, lợn, gia cầm và chăn nuôi khác); dịch vụ chăn nuôi có liên quan; săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan.

3. Hợp tác xã lâm nghiệp: Là hợp tác xã có hoạt động sản xuất lâm nghiệp (trồng và chăm sóc rừng; khai thác gỗ và lâm sản khác; thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác) và dịch vụ lâm nghiệp có liên quan.

4. Hợp tác xã thủy sản: Là hợp tác xã có hoạt động nuôi trồng thuỷ sản (nuôi trồng thuỷ sản biển, nội địa; sản xuất giống thuỷ sản); khai thác thủy sản (khai thác thủy sản biển và nội địa, bao gồm cả bảo quản thuỷ sản ngay trên tàu đánh cá).

5. Hợp tác xã diêm nghiệp: Là hợp tác xã có hoạt động khai thác muối (khai thác muối mỏ, đập vụn muối và sàng muối; sản xuất muối từ nước biển, nước mặn ở hồ hoặc nước mặn tự nhiên khác; nghiền, tẩy rửa, và tinh chế muối phục vụ cho sản xuất) và dịch vụ có liên quan đến phục vụ khai thác muối.

6. Hợp tác xã nước sạch nông thôn: Là hợp tác xã có hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch (khai thác nước từ sông, hồ, ao; thu nước mưa; thanh lọc nước để cung cấp; khử muối của nước biển để sản xuất nước như là sản phẩm chính; phân phối nước thông qua đường ống, bằng xe hoặc các phương tiện khác) cho nhu cầu sinh hoạt trên địa bàn nông thôn.

7. Hợp tác xã nông nghiệp tổng hợp: Là hợp tác xã có hoạt động từ hai lĩnh vực hoạt động của các hợp tác xã được phân loại tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều này trở lên.

Khi tiến hành phân loại, các hợp tác xã căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01năm 2007 ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam (190) và văn bản hướng dẫn thi hànhcủa Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xác định các hoạt động chi tiết chưa được nêu cụ thể trong phân loại hợp tác xã trên.

**HƯỚNG DẪN**

**CÁCH CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên tiêu chí** | **Chi tiết nội dung đánh giá** | | |
| **Chỉ tiêu đánh giá** | **Thang điểm tối đa** | **Cách tính điểm** |
| 1 | Doanh thu và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã | Tỷ lệ doanh thu thực hiện / doanh thu kế hoạch | 8 | - Dưới 100%: 0 điểm |
| - Từ 100% đến dưới 120%: 4 điểm |
| - Từ 120% trở lên: 8 điểm |
| Tổng doanh thu năm của hợp tác xã | 10 | - Dưới 1 tỷ đồng/năm: 4 điểm |
| - Từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng/năm: 6 điểm |
| - Từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/năm: 8 điểm |
| - Từ 10 tỷ đồng/năm trở lên: 10 điểm |
| Thu nhập sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính bình quân đầu thành viên hợp tác xã (Thu nhập năm sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính /thành viên) | 10 | - Không có lợi nhuận sau thuế: 0 điểm |
| - Có lợi nhuận, bình quân dưới 1 triệu đồng/người: 2 điểm |
| - Có lợi nhuận, bình quân 1 đến dưới 5 triệu đồng/người: 4 điểm |
| - Có lợi nhuận, bình quân 5 đến dưới 10 triệu đồng/người: 7 điểm |
| - Có lợi nhuận, bình quân 10 triệu đồng/người trở lên: 10 điểm |
| Trích quỹ đầu tư phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập | 5 | - Không trích lập hoặc trích lập thấp hơn 20% trên thu nhập: 0 điểm |
| - Trích quỹ phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập: 5 điểm |
| Trích quỹ dự phòng tài chính không thấp hơn 5% trên thu nhập | 5 | - Không trích lập hoặc trích lập quỹ thấp hơn 5% trên thu nhập: 0 điểm |
| - Trích lập quỹ không thấp hơn 5% trên thu nhập: 5 điểm |
| 2 | Lợi ích của các thành viên hợp tác xã | Ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên so với khách hàng không là thành viên | 8 | - Không ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên: 0 điểm |
| - Có ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên (hoặc hợp tác xã chỉ cung ứng dịch vụ cho thành viên): 8 điểm |
| Ưu tiên phân phối thu nhập cho thành viên theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã (hoặc công sức lao động đóng góp của thành viên đối với HTX tạo việc làm) | 8 | - Thu nhập còn lại sau khi đã trích lập các quỹ không phân phối hoặc phân phối cho thành viên dưới 50% theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ (hoặc công sức lao động đóng góp của thành viên): 0 điểm |
| - Thu nhập còn lại sau khi đã trích lập các quỹ phân phối cho thành viên từ 50% trở lên theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ (hoặc công sức lao động đóng góp của thành viên): 8 điểm |
| 3 | Vốn hoạt động của hợp tác xã | Tỷ lệ tăng vốn góp và huy động từ thành viên hợp tác xã (%) = (vốn góp và huy động từ TV năm nay – vốn góp và huy động từ TV năm trước)/ vốn góp và huy động từ TV năm trước (trường hợp năm trước không có, năm nay có góp và huy động thì tính tỷ lệ là 100%) | 7 | - Giảm vốn chủ sở hữu hoặc không tăng: 0 điểm |
| - Dưới 20%: 3 điểm |
| - Từ 20% đến 50%: 5 điểm |
| - Từ 50% trở lên: 7 điểm |
| Vốn hoạt động của hợp tác xã (bao gồm toàn bộ vốn góp của thành viên, vốn huy động, vốn tích lỹ, các quỹ của; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của nhà nước, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác) | 10 | Dưới 500 triệu đồng: 1 điểm |
| Từ 500 triệu đến dưới 1 tỷ đồng: 5 điểm |
| Từ 1 tỷ đến dưới 10 tỷ đồng: 7 điểm |
| Từ 10 tỷ đồng trở lên: 10 điểm |
| 4 | Quy mô thành viên hợp tác xã ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng | Quy mô thành viên hợp tác xã ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng | 8 | - Hợp tác xã có dưới 30 thành viên: 2 điểm |
| - Hợp tác xã có từ 30 thành viên đến dưới 100 thành viên: 4 điểm |
| - Hợp tác xã có từ 100 thành viên đến dưới 500 thành viên: 6 điểm |
| - Hợp tác xã có trên 500 thành viên: 8 điểm |
| 5 | Hợp tác xã được khen thưởng trong năm | Hợp tác xã được khen thưởng trong năm | 6 | - Hợp tác xã không được khen thưởng trong năm: 0 điểm |
| - Hợp tác xã được cấp huyện khen thưởng trong năm: 3 điểm |
| - Hợp tác xã được cấp tỉnh khen thưởng trở lên trong năm: 6 điểm |
| 6 | Mức độ hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã | Mức độ hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã | 15 | Chuyển số điểm tổng hợp bình quân/phiếu hợp lệ của thành viên hợp tác xã tham gia đánh giá mức độ hài lòng của thành viên hợp tác xã vào bảng tự chấm điểm của hợp tác xã |
|  | **Tổng điểm** |  | **100** |  |

Hợp tác xã …………...

Địa chỉ: ........................

PHIẾU ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA THÀNH VIÊN

ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ

Tên thành viên:...........................................................................................

Địa chỉ:.......................................................................................................

Điện thoại:..................................................................................................

Kết quả đánh giá:.......................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Điểm số** | | | | | **Nhận xét** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 1 | Cung cấp thông tin của hợp tác xã cho thành viên (thông tin phục vụ sản xuất kinh doanh của thành viên, thông tin về hoạt động của hợp tác xã) |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chất lượng sản phẩm và dịch vụ của hợp tác xã cung ứng cho thành viên |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tính kịp thời trong cung ứng sản phẩm và dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng điểm đánh giá** | ……….điểm | | | | |  |

........, ngày..... tháng..... năm .........

Thành viên ký và ghi rõ họ tên

**Ghi chú:**

**-** Các thành viên hợp tác xã căn cứ vào tình hình hoạt động của hợp tác xã đánh giá từng chỉ tiêu trong phiếu đánh giá theo mức độ hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã bằng cách đánh dấu (x) vào ô điểm số tương ứng với số điểm tăng dần theo mức độ hài lòng (từ thấp nhất là 1 điểm đến cao nhất là 5 điểm) đối với từng chỉ tiêu đánh giá. Nếu có ý kiến đánh giá bổ sung thì ghi vào cột nhận xét.

- Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đủ cả 3 chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu chỉ đánh dấu 01 ô điểm. Trường hợp tổng số điểm không khớp với điểm chi tiết thì được tính lại tổng theo số điểm chi tiết chấm.

Phụ lục 2

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI VÀ ĐÁNH GIÁ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI TỈNH QUẢNG TRỊ

*(Ban hành kèm văn bản số: /PTNT- KTHT ngày ...... /......./2018 của Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên tiêu chí** | **Chi tiết nội dung đánh giá** | | | | |
| **Chỉ tiêu đánh giá** | **Thang**  **điểm**  **tối đa** | **HTX tự chấm điểm** | **Phòng chuyên môn cấp huyện** | **Đánh giá của đơn vị chuyên môn cấp tỉnh** |
| **I** | **TIÊU CHÍ BẮT BUỘC** | | **100** |  |  |  |
| **1** | HTX tổ chức, hoạt động theo đúng quy định trong Luật hợp tác xã năm 2012 và điều lệ quy định | * Tỷ lệ thành viên HTX tham gia góp vốn theo quy định của Luật và Điều lệ HTX; * HTX thực hiện trích lập các quỹ đúng theo quy định của Luật và Điều lệ HTX; * Có đầy đủ Điều lệ, Phương án sản xuất kinh doanh hàng năm và nhiệm kỳ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quy chế quản lý tài chính và các nội quy khác theo Luật và Điều lệ HTX; * Thành viên HTX có đơn tự nguyện xin tham gia vào HTX (nếu là thành viên hộ gia đình phải cử đại diện hộ); * Hạch toán kế toán theo quy định của Nhà nước, Báo cáo quyết toán hàng năm HTX được công khai, niêm yết tại Trụ sở HTX trước khi tổ chức Đại hội | Đạt |  |  |  |
| **2** | Đánh giá theo các tiêu chí quy định tại Thông tư 09/2017/TT- BNNPTNT, ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT | Hàng năm HTX được đánh giá và xếp loại tốt theo 6 tiêu chí sau:  Tiêu chí 1: Doanh thu và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã;  Tiêu chí 2: Lợi ích của các thành viên hợp tác xã;  Tiêu chí 3: Vốn hoạt động của hợp tác xã;  Tiêu chí 4: Quy mô thành viên ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng;  Tiêu chí 5: Hợp tác xã được khen thưởng trong năm;  Tiêu chí 6: Mức độ hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã. | Đạt |  |  |  |
| **II** | **TIÊU CHÍ NÂNG CAO** | | **100** |  |  |  |
| **1** | **Tiêu chí tổ chức, quản lý hoạt động HTX** | Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát, không để xảy ra tình trạng nợ động kéo dài, tỷ suất nợ khó đòi dưới 2%/tổng vốn hoạt động HTX; giải quyết kịp thời các tranh chấp khiếu nại, tố cáo của thành viên theo đúng thẩm quyền của HTX | **5** |  |  |  |
|  |  |  |
| Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo cho các cấp các ngành theo quy định của pháp luật | **3** |  |  |  |
| Ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất, chế biến sản phẩm. | **6** |  |  |  |
|  |  |  |
| HTX có trụ sở làm việc, kết nối internet, có website riêng của HTX. |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |
| **2** | **Tiêu chí về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh** | Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu | **8** |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu | **10** |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| Hàng năm HTX có chính sách riêng hỗ trợ, khuyến khích cho thành viên phát triển mô hình kinh tế phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương. | **8** |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **3** | **Hiệu quả tài chính của HTX** | Có đủ lợi nhuận để trả lương cho cán bộ quản lý HTX theo quy định của Nhà nước | **6** |  |  |  |
| Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho bộ máy quản lý HTX đúng theo quy định pháp luật như: các khoản phụ cấp theo lương; BHXH, BHYT, bảo hộ lao động… | **4** |  |  |  |
| **4** | **Mức độ tham gia sử dụng dịch vụ HTX của thành viên** | Thành viên sử dụng dịch vụ thương mại (đầu vào và đầu ra) của HTX | **8** |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **5** | **Tích cực tham gia các chuổi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương phù hợp với đề án tái cơ cấu kinh tế của tỉnh** | Có hợp đồng bằng văn bản liên doanh, liên kết với các đơn vị khác để thu mua, tiêu thụ nông sản. | **6** |  |  |  |
| Có hợp đồng cam kết cung cấp dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho thành viên | **7** |  |  |  |
|  |  |  |
| HTX có sản phẩm được chứng nhận hợp chuẩn hợp quy (Chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn, nhãn hiệu đăng ký Cục Sở hữu trí tuệ...). | **8** |  |  |  |
|  |  |  |
| **6** | **Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, thu hút cán bộ** | Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho thành viên và người lao động trong HTX trên 50% kế hoạch. | **4** |  |  |  |
| Có quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ kế cận HTX hoặc thu hút cán bộ trẻ qua đào tạo về công tác tại HTX. | **6** |  |  |  |
| **7** | **Hoạt động cộng đồng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới** | Tham gia tích cực phong trào “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới”; chương trình xóa đói giảm nghèo; hỗ trợ các hoạt động phúc lợi xã hội tại địa bàn HTX. | **5** |  |  |  |
|  |  |  |
|  | **Tổng điểm** | | **100** |  |  |  |

**\* Ghi chú:** Hợp tác xã phải đạt 02 tiêu chí bắt buộc và đạt từ 70 đến 100 điểm của tiêu chí nâng cao thì được công nhận đạt HTX kiểu mới**.**

HƯỚNG DẪN

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI VÀ ĐÁNH GIÁ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI TỈNH QUẢNG TRỊ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Chi tiết nội dung đánh giá** | | |
| **Chỉ tiêu đánh giá** | **Thang**  **điểm**  **tối đa** | **Cách tính điểm** |
| **I** | **TIÊU CHÍ BẮT BUỘC** | | **100** |  |
| **1** | HTX tổ chức, hoạt động theo đúng quy định trong Luật hợp tác xã năm 2012 và điều lệ quy định | * Tỷ lệ thành viên HTX tham gia góp vốn theo quy định của Luật và Điều lệ HTX; * HTX thực hiện trích lập các quỹ đúng theo quy định của Luật và Điều lệ HTX; * Có đầy đủ Điều lệ, Phương án sản xuất kinh doanh hàng năm và nhiệm kỳ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quy chế quản lý tài chính và các nội quy khác theo Luật và Điều lệ HTX; * Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quy chế quản lý tài chính và các nội quy khác do Đại hội quy định; * Thành viên HTX có đơn tự nguyện xin tham gia vào HTX (nếu là thành viên hộ gia đình phải cử đại diện hộ); * Hạch toán kế toán theo quy định của Nhà nước, Báo cáo quyết toán hàng năm HTX được công khai, niêm yết tại Trụ sở HTX trước khi tổ chức Đại hội | Đạt | Đảm bảo thực hiện đúng và đủ theo quy định của Luật và Điều lệ của HTX |
| **2** | Đánh giá theo các tiêu chí quy định tại Thông tư 09/2017/TT- BNNPTNT, ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT | Hàng năm HTX được đánh giá và xếp loại tốt theo 6 tiêu chí sau:  Tiêu chí 1: Doanh thu và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã;  Tiêu chí 2: Lợi ích của các thành viên hợp tác xã;  Tiêu chí 3: Vốn hoạt động của hợp tác xã;  Tiêu chí 4: Quy mô thành viên ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng;  Tiêu chí 5: Hợp tác xã được khen thưởng trong năm;  Tiêu chí 6: Mức độ hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã. | Đạt | Hợp tác xã hoạt động tốt: Tổng số điểm đạt từ 80 điểm đến 100 điểm |
| **II** | **TIÊU CHÍ NÂNG CAO** | | **100** |  |
| **1** | **Tiêu chí tổ chức, quản lý hoạt động HTX** | Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát, không để xảy ra tình trạng nợ động kéo dài, tỷ suất nợ khó đòi dưới 2%/tổng vốn hoạt động HTX; giải quyết kịp thời các tranh chấp khiếu nại, tố cáo của thành viên theo đúng thẩm quyền của HTX | **5** | - Tỷ lệ nợ khó đòi dưới 2% so với tổng vốn hoạt động của HTX: 3 điểm |
| - Giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo của thành viên: 2 điểm |
| Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo cho các cấp các ngành theo quy định của pháp luật | **3** | Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm theo đúng quy định: 3 điểm |
| Ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất, chế biến sản phẩm. | **6** | * Có máy móc, cơ giới áp dụng vào sản xuất: 2 điểm |
| * Có máy móc ứng dụng vào các khâu sơ chế, chế biến: 4 điểm |
| HTX có trụ sở làm việc, kết nối internet, có website riêng của HTX. |  | - Hợp tác xã có trụ sở làm việc và có kết nối internet: 2 điểm |
| **6** | - HTX có website riêng để quảng bá, giới thiệu sản phẩm và thông tin về HTX: 4 điểm |
| **2** | **Tiêu chí về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh** | Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu | **8** | * Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hàng năm từ 10% trở lên: 8 điểm |
| * Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hàng năm từ 7% đến dưới 10%: 5 điểm |
| * Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hàng năm từ 4% đến dưới 7%: 3 điểm |
| * Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hàng năm từ 1% đến dưới 4%: 1 điểm |
| * Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hàng năm dưới 1%: 0 điểm |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu | **10** | * Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu HTX hàng năm từ 8% trở lên: 10 điểm |
| * Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu HTX hàng năm từ 5% đến dưới 8% trở lên: 7 điểm |
| * Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu HTX hàng năm từ 1% đến dưới 5% trở lên: 3 điểm |
| * Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu HTX hàng năm dưới 1%: 0 điểm |
| Hàng năm HTX có chính sách riêng hỗ trợ, khuyến khích cho thành viên phát triển mô hình kinh tế phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương. | **8** | * HTX có hỗ trợ 03 mô hình kinh tế hộ về kỹ thuật hoặc vốn cho thành viên HTX: 8 điểm |
| * HTX có hỗ trợ 02 mô hình kinh tế hộ về kỹ thuật hoặc vốn cho thành viên HTX: 5 điểm |
| * HTX có hỗ trợ 01 mô hình kinh tế hộ về kỹ thuật hoặc vốn cho thành viên HTX: 3 điểm |
| * HTX không có hỗ trợ mô hình kinh tế hộ (thành viên) về kỹ thuật hoặc vốn: 0 điểm |
| **3** | **Hiệu quả tài chính của HTX** | Có đủ lợi nhuận để trả lương cho cán bộ quản lý HTX theo quy định của Nhà nước | **6** | Theo mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã... do Chính phủ quy định tại thời điểm:6 điểm |
| Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho bộ máy quản lý HTX đúng theo quy định pháp luật như: các khoản phụ cấp theo lương; BHXH, BHYT, bảo hộ lao động… | **4** | * Thực hiện tốt chính sách về bảo hiểm y tế: 2 điểm * Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội: 2 điểm |
| **4** | **Mức độ tham gia sử dụng dịch vụ HTX của thành viên** | Thành viên sử dụng dịch vụ thương mại (đầu vào và đầu ra) của HTX | **8** | * Tỷ lệ thành viên HTX sử dụng dịch vụ thương mại của HTX từ 80-100%: 8 điểm |
| * Tỷ lệ thành viên HTX sử dụng dịch vụ thương mại của HTX từ 60-80%: 6 điểm |
| * Tỷ lệ thành viên HTX sử dụng dịch vụ thương mại của HTX từ 40-60%: 4 điểm |
| * Tỷ lệ thành viên HTX sử dụng dịch vụ thương mại của HTX từ 20-40%: 2 điểm |
| * Tỷ lệ thành viên HTX sử dụng dịch vụ thương mại của HTX dưới 20%: 0 điểm |
| **5** | **Tích cực tham gia các chuổi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương phù hợp với đề án tái cơ cấu kinh tế của tỉnh** | Có hợp đồng bằng văn bản liên doanh, liên kết với các đơn vị khác để thu mua, tiêu thụ nông sản. | **6** | HTX có hợp đồng bằng văn bản với ít nhất 02 Doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm cho thành viên HTX: 6 điểm |
| Có hợp đồng cam kết cung cấp dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho thành viên | **7** | * HTX có hợp đồng cam kết cung ứng ít nhất 03 dịch vụ đầu vào cho thành viên với giá thấp hơn hoặc bằng so với giá thị trường: 3 điểm |
| * HTX có hợp đồng cam kết tiêu thụ ít nhất 01 sản phẩm chính của HTX cho thành viên với giá cao hơn hoặc bằng so với giá thị trường: 4 điểm |
| HTX có sản phẩm được chứng nhận hợp chuẩn hợp quy (Chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn, nhãn hiệu đăng ký Cục Sở hữu trí tuệ...). | **8** | * HTX có ít nhất 01 sản phẩm được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn: 03 điểm |
| * HTX có ít nhất 01 sản phẩm được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: 05 điểm |
| **6** | **Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, thu hút cán bộ** | Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho thành viên và người lao động trong HTX trên 50% kế hoạch. | **4** | Phổ biến phổ biến giáo dục pháp luật cho ít nhất 50% thành viên và người lao động: 4 điểm |
| Có quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ kế cận HTX hoặc thu hút cán bộ trẻ qua đào tạo về công tác tại HTX. | **6** | HTX có quy hoạch, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kế cận và thu hút cán bộ trẻ về làm việc tại HTX: 6 điểm |
| **7** | **Hoạt động cộng đồng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới** | Tham gia tích cực phong trào “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới”; chương trình xóa đói giảm nghèo; hỗ trợ các hoạt động phúc lợi xã hội tại địa bàn HTX. | **5** | * HTX đóng góp công sức và tài chính xây dựng chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 3 điểm. |
| * HTX Tham gia các hoạt động phúc lợi xã hội: 2 điểm. |
|  | **Tổng điểm** | | **100** |  |

**\* Ghi chú:** Hợp tác xã phải đạt 02 tiêu chí bắt buộc và đạt từ 70 đến 100 điểm của tiêu chí nâng cao thì được công nhận đạt HTX kiểu mới**.**